

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm N dân:

Ông Nguyễn Văn Xem;

Ông Trần Cao Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền là Thư ký Tòa án N dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án N dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 33/TB-TA ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Thiệu Xuân K, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Thiệu Xuân K trình bày: anh và chị T chung sống vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống với chị T có 01 con chung tên Thiệu Nguyễn Đức N sinh ngày 14/6/2011 hiện do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng tháng 6 năm 2011 vợ chồng chuyển về sống tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Khoảng thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2013 vợ chồng chuyển về chung sống tại ấp R, xã N,

huyện C, tỉnh Trà Vinh. Năm 2014 anh đi xuất khẩu lao động đến cuối năm 2017 anh trở về và có đến thăm con 02 lần cho đến nay. Anh và chị T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay.

Nguyên N mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn là do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, chị T không tôn trọng anh và gia đình anh, chị T thường xuyên có những lời nói chưa đúng mực, không lễ phép với cha mẹ của anh và không hòa đồng với anh chị em bên gia đình anh. Đối với anh vợ anh nhiều lần xúc phạm đến lòng tự trọng của anh điển hình là những chuyện riêng tư của vợ chồng đều được chị T đăng lên trang mạng xã hội Facebook cho những người không quen biết vào xúc phạm đến anh, có lần chị T xé Giấy chứng nhận kết hôn và chụp hình đăng lên mạng xã hội. Kể từ đó vợ chồng có cuộc sống riêng không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay anh yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

Về nuôi con chung: anh thống nhất giao con chung tên Thiệu Nguyễn Đức N sinh ngày 14/6/2011 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hồng T là bị đơn trình bày: chị thống nhất với lời trình bày của anh K về thời điểm kết hôn, con chung.

Sau khi kết hôn chị và anh K chung sống ở nhà trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh đến tháng 6/2011 khi sinh bé Đức N mới về quê ở xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long sinh sống được 6 tháng rồi trở về sống ở ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh được 01 năm sau đó trở về Vĩnh Long sống đến tháng 8 năm 2013 trở về Trà Vinh sinh sống. Đến tháng 11/2014 anh K đi hợp tác lao động đến tháng 12/2017 trở về nước và muốn ly hôn với chị. Chị và anh K đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chưa hiểu nhau, vợ chồng sống xa nhau thời gian 3 năm, chị có ít thời gian tiếp xúc với gia đình chồng nên không hòa đồng được với cha mẹ chồng và anh chị em nhà chồng. Còn chuyện đăng trên mạng xã hội là có thật do vợ chồng cãi nhau chị bức xúc có đăng ảnh xé Giấy đăng ký kết hôn.

Nay anh K yêu cầu ly hôn thì chị không thống nhất ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ để nuôi dạy con.

Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì chị yêu cầu như sau:

Về nuôi con chung: chị yêu cầu được nuôi con chung tên Thiệu Nguyễn Đức N, sinh ngày 14/6/2011 và yêu cầu anh Thiệu Xuân K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy

định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của anh Thiệu Xuân K, cho anh Thiệu Xuân K được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T. Về con chung: giao cháu Thiệu Nguyễn Đức N, sinh ngày 14/6/2011 cho chị Nguyễn Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Thiệu Xuân K. Về chia tài sản: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: buộc anh Thiệu Xuân K nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: anh Thiệu Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: anh Thiệu Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, không quan tâm lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh Thiệu Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T cũng không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay anh Thiệu Xuân K yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T nhưng chị Nguyễn Thị Hồng T không thống nhất ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ.

Vấn đề này thấy rằng việc chị Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu được đoàn tụ là không có căn cứ, bởi lẽ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần hòa giải động viên anh Thiệu Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả.

Mặc khác, chị Nguyễn Thị Hồng T cũng thừa nhận là vợ chồng có cự cãi và khi vợ chồng cự cãi thì chị có bức xúc nên xé Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và chụp lại ảnh đăng trên mạng xã hội. Sau khi Tòa án hòa giải nhiều lần, chị Nguyễn Thị Hồng T có đến gặp anh Thiệu Xuân K để trao đổi xin được đoàn tụ nhưng anh Thiệu Xuân K né tránh. Đồng thời, chị Nguyễn Thị Hồng T cũng không đưa ra được giải pháp để đoàn tụ. Từ đó, xét thấy đời sống chung giữa anh Thiệu Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên anh Thiệu Xuân K yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Xét thấy từ khi anh Thiệu Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T không còn chung sống với nhau thì con chung tên Thiệu Nguyễn Đức N, sinh ngày 14/6/2011 do chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Đồng thời anh Thiệu Xuân K cũng đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho chị Nguyễn Thị Hồng T tiếp tục nuôi con.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu anh Thiệu Xuân K cấp dưỡng nuôi con tên Thiệu Nguyễn Đức N, sinh ngày 14/6/2011 mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Thiệu Xuân K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Thiệu Nguyễn Đức N, sinh ngày 14/6/2011 mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Thiệu Nguyễn Đức N, sinh ngày 14/6/2011 mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi của anh Thiệu Xuân K.

[5] Về chia tài sản: anh Thiệu Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: anh Thiệu Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T tự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: anh Thiệu Xuân K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 36; 39; 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn N và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn N: cho ly hôn giữa anh Thiệu Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Thiệu Nguyễn Đức N, sinh ngày 14/6/2011 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Thiệu Xuân K là đóng góp nuôi con với chị Nguyễn Thị Hồng T số tiền là 650.000 đồng/tháng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Thiệu Nguyễn Đức N, sinh ngày 14/6/2011 thành niên (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: anh Thiều Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: anh Thiều Xuân K và chị Nguyễn Thị Hồng T tự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: anh Thiều Xuân K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014777 ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Anh Thiều Xuân K đã nộp đủ án phí hôn N sơ thẩm. Buộc anh Thiều Xuân K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- UBND xã Ninh Thới;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai